

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương Đảng Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Ngày 05/8/2008, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành TW Đảng Khóa X ban hành Nghị quyết số 26/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thực hiện phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nông dân là chủ trương lớn của Đảng và nhà nước. Sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, UBND huyện báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

I. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết

1. Đặc điểm tình hình:

Hướng Hóa là huyện miền núi, biên giới phía Tây tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích tự nhiên là 115.235,82 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp 92.240,71 ha chiếm 80% diện tích đất tự nhiên. Đất sản xuất nông nghiệp có 30.759 ha, đất lâm nghiệp 61.370 ha. Dân số cuối năm 2017 là 86.355 người, có 03 dân tộc chủ yếu sinh sống là PaKô, Vân Kiều và Kinh. Với địa hình núi rừng đa dạng, bị chia cắt bởi nhiều sông suối lớn nhỏ, nền khí hậu nhiệt đới gió mùa với 03 tiểu vùng khí hậu đặc trưng đã phát triển và hình thành nên các vùng chuyên canh về cây trồng, vật nuôi.

Giai đoạn năm 2006 - 2008, tổng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp tăng bình quân 9,1%, thu nhập đạt 12,7 triệu đồng/người/năm, sản lượng lương thực ổn định đạt 8.792 tấn/năm, diện tích gieo trồng hàng năm đạt 10.000 ha.

Cơ sở hạ tầng, kinh tế kỹ thuật phục vụ cho phát triển nông nghiệp được quan tâm đầu tư, có sự chuyển dịch về cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và các hình thức tổ chức sản xuất vào sản xuất nông lâm nghiệp. Tổng nguồn vốn đầu tư cho ngành nông nghiệp được quan tâm, an sinh xã hội được đảm bảo, bộ mặt nông thôn từng bước được thay đổi, tuy vậy nền kinh tế nông nghiệp và đời sống nhân dân nông thôn vẫn còn nhiều khó khăn. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chủ trương lớn tạo động lực cho việc phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

Sau khi Nghị quyết được ban hành, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết đến cán bộ chủ chốt từ cấp huyện đến cơ sở, xây dựng kế hoạch tuyên truyền đến toàn thể nhân dân hiểu, nắm bắt để thực hiện. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể chính trị xã hội tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến tận thôn bản, khối xóm để nâng cao nhận thức của người dân.

2.2. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết:

Ngày 28/10/2008, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó có Chương trình xây dựng nông thôn mới; Ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Để Nghị quyết đi vào cuộc sống, ngày 10/3/2009, Huyện ủy ban hành Chương trình hành động số 69-CTHĐ/HU thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đồng thời, Huyện ủy Hướng Hóa đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 08/5/2013 về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến năm 2020; Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 18/4/2014 của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo phát triển cây cao su đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 09/02/2015 của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2015-2020.

UBND huyện thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, Ban Chỉ đạo phát triển cây cao su; thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, Ban Quản lý cấp xã, Ban Phát triển thôn bản và phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện; ngày 13/6/2017, UBND huyện ban hành Kế hoạch số 329/KH-UBND thực hiện Đề án Tái canh cây cà phê theo Quyết định 837/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020; ngày 22/8/2017 UBND huyện ban hành Quyết định số 2926/QĐ-UBND thực hiện Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND huyện về việc thực hiện Đề án Chuyển đổi diện tích đất trồng sản kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác.

Ngoài ra, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể từng năm và cả giai đoạn đưa vào Nghị quyết của Đảng và Hội đồng nhân dân để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết

1.1. Về nhiệm vụ thực hiện tái cơ cấu, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại phát triển nông nghiệp và dịch vụ nông thôn:

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Chương trình hành động số 69-CTHĐ/HU ngày 10/3/2009 của Huyện ủy về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, 05 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 08/5/2013 của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đến nay tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện có sự chuyển biến rõ rệt và đạt những kết quả tích cực, cụ thể:

- Sản xuất nông lâm nghiệp phát triển ổn định và toàn diện, kinh tế nông thôn đang có chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng tập trung, thâm canh, chuyên canh, đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ để tăng năng suất, chất lượng và nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện như cà phê, cao su, hồ tiêu, cây ăn quả, tinh bột sắn, phát triển lâm nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp đạt 593 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng

ngành năm 2008 đạt 6,9% đến năm 2017 giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp, thủy sản đạt 1.265 tỷ đồng, tăng bình quân 8,8%, chiếm tỷ trọng 10,76% trong cơ cấu nền kinh tế của huyện, dịch chuyển đúng định hướng qua các kỳ Đại hội Đảng bộ huyện.

- Phát triển nông nghiệp đúng với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện cũng như quy hoạch của ngành nông nghiệp, gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm và khai thác tài nguyên đất sẵn có phù hợp với thời tiết khí hậu của 03 vùng sinh thái đem lại hiệu quả cao trong đầu tư.

- Tổng diện tích gieo trồng bình quân hàng năm đạt 10.000 ha, diện tích một số loại cây trồng chủ lực tăng, cà phê từ diện tích 4.093 ha năm 2008 tăng lên 5.318 ha năm 2017, tăng bình quân hàng năm 2,6%. Sản lượng cà phê nhân đạt 5.869 tấn năm 2008 tăng lên 7.060 tấn năm 2017, tăng bình quân 2,1%/năm. Cây cao su 371 ha năm 2008, tăng lên 1.075 ha năm 2017 tăng 12,6%. Sản nguyên liệu từ 3.867 ha năm 2008 tăng lên 5.080 ha năm 2017 tăng 3,1%. Cây ăn quả từ 2.108 ha năm 2008 tăng lên 4.065 ha năm 2017 tăng 7,6%, trong đó tính riêng cây chuối có diện tích 3.734 ha, sản lượng từ 16.120 tấn năm 2008 lên 55.967 tấn năm 2017, tăng bình quân hàng năm 14,8%.

- Diện tích cây lương thực có hạt 4.061 ha năm 2008 giảm xuống còn 3.315 ha năm 2017, tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 8.792 tấn (năm 2008) tăng lên 8.833 tấn năm 2017, như vậy sản lượng lương thực ổn định và có tăng 0,05% trong cả giai đoạn, bình quân lương thực đầu người đạt 119 kg (năm 2008) giảm xuống 102 kg năm 2017.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 40,2% năm 2008 tăng lên 44,41% năm 2017. Hàng năm, diện tích trồng rừng bình quân đạt từ 450-500 ha, đưa giá trị ngành lâm nghiệp đạt 17 tỷ đồng năm 2017, tăng 2,9% so với năm 2008, đặc biệt công tác xã hội hóa nghề rừng và trồng rừng kinh tế được chú trọng đã góp phần tăng giá trị ngành lâm nghiệp.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm cả giai đoạn nhìn chung có tăng như lợn (6,7%), dê (5,2%), gia cầm (10%), riêng trâu giảm (1,5%) bò giảm (0,76%). Năm 2017 trâu 3.363 con, bò: 10.942 con, lợn: 30.982 con, dê: 12.225 con, gia cầm 148.200 con.

Nhìn chung so với năm 2008, đến nay diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng đều tăng; đàn gia súc phát triển ổn định, giá trị xuất chuồng tăng, cây trồng vật nuôi ngày càng đa dạng hóa; chất lượng giống cây trồng vật nuôi, lai sind đàn bò, nạc hóa đàn lợn ngày càng được chú trọng, công tác xây dựng các mô hình sản xuất, các trang trại, tổ hợp tác và hợp tác xã trên địa bàn ngày càng chuyển biến mạnh mẽ theo hướng liên kết với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và giải quyết đầu ra cho sản phẩm.

1.2. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới và phê duyệt thực hiện chương trình, UBND huyện đã xây dựng Đề án, Huyện ủy ban hành Nghị quyết về Tăng cường sự lãnh đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020.

Là một huyện miền núi bắt đầu xây dựng nông thôn mới, từ xuất phát điểm thấp với 03 xã đạt 4-6 tiêu chí, 11 xã đạt 1-2 tiêu chí, 06 xã không đạt tiêu chí nào, bình quân đạt 1,35 tiêu chí/xã vào năm 2011 thì đến cuối năm 2017, toàn huyện có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 01 xã đạt 15-18 tiêu chí, 03 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 12 xã đạt từ 6-9 tiêu

chí, bình quân đạt 11,5 tiêu chí/xã. Là một chương trình phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt từ huyện đến cơ sở với nhiều chủ trương chính sách về phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được ban hành, nguồn vốn đầu tư cho chương trình bình quân hàng năm đều tăng, các chủ trương chính sách của Chương trình được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị xã hội từ huyện đến cơ sở, tổ chức tuyên truyền rộng khắp, phong trào thi đua “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới” gắn với phong trào của từng đoàn thể được phát động từ đó nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân tạo sự đồng thuận và hưởng ứng cao trong nhân dân trong thực hiện xây dựng nông thôn mới mà thiết thực nhất là phong trào hiến đất trong xây dựng nông thôn mới, từ đó bộ mặt nông thôn ngày càng thay đổi, từng bước đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Kết cấu cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, chợ, trường học, cơ sở vật chất văn hóa... được đầu tư đồng bộ, bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 363 tỷ đồng, giai đoạn 2015-2017 là 513 tỷ đồng; kết quả cụ thể như sau:

- Về giao thông: Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa các công trình cơ bản đáp ứng nhu cầu về phát triển và dân sinh, đến nay đã có 100% xã có đường ô tô đến được trung tâm xã, trong đó đường xã quản lý 178,4 km, đường thôn xóm do xã quản lý 157,7 km, tỷ lệ đường thôn xóm được cứng hóa đạt 65%, giao thông nội đồng phục vụ cho sản xuất được cứng hóa 96,56 km, đạt tỷ lệ 50%.

- Về thủy lợi: Hệ thống thủy lợi của các xã hàng năm được đầu tư xây dựng và nâng cấp sửa chữa, góp phần đảm bảo phục vụ tưới tiêu cho trên 950 ha diện tích lúa nước. Trên toàn huyện có 11 hồ, 35 đập lớn nhỏ, 52 hệ thống kênh mương với tổng chiều dài là 54 km, trong đó được kiên cố hóa 51 km, chiếm tỷ lệ 95%.

- Về điện: Hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp được nâng cấp đảm bảo cung cấp điện cho thôn bản đạt 100%, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100% phục vụ cho sản xuất, đời sống và sinh hoạt của người dân.

- Chợ: Hiện nay có 05 xã có chợ nông thôn được quy hoạch, một số xã có phát triển trung tâm mua bán cùng với Trung tâm thương mại Lao Bảo và Chợ Khe Sanh tạo thành mạng lưới phân phối cung ứng trao đổi hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.

- Hệ thống thông tin viễn thông được đầu tư, xây dựng nâng cấp phát triển mạnh, mạng lưới internet được phủ sóng đến thôn bản, tỷ lệ người dân tiếp cận thông tin mạng ngày càng cao đạt tỷ lệ trên 95% phục vụ cho đời sống cũng như phát triển kinh tế.

- Về nhà ở: Được hỗ trợ từ các Chương trình MTQG, các chính sách về nhà ở xã hội cũng như nguồn của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, quỹ vì người nghèo, hỗ trợ của doanh nghiệp và sự cố gắng vươn lên của người dân đã từng bước xóa dần nhà tạm bợ, dột nát nâng tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố trên địa bàn toàn huyện đạt 80-85%.

- Về Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: Luôn luôn được quan tâm đầu tư, sửa chữa các công trình nước sạch tập trung, hỗ trợ nguồn kinh phí để nhân dân làm giếng khoan, nâng tỷ lệ người dùng nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn là 55% năm 2008 lên 75% năm 2017 (bình quân giai đoạn 2011-2015 là 61,8%, giai đoạn

2015-2017 đạt 73%, trong đó tỷ lệ người dân dùng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia đạt 42,1%), tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt chuẩn về môi trường là 61,3%, tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh là 51,13%, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đạt 28,45%, tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà vệ sinh đạt chuẩn theo quy định là 30,26%.

1.3. Xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế giáo dục, văn hóa xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn

1.3.1. Công tác xóa đói giảm nghèo:

Để thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn, Đảng bộ và nhân dân đã ra mục tiêu là “Cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân đặc biệt là ở các xã nghèo tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin, vốn vay ưu đãi, tăng cường đầu tư để nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng nông thôn tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo”. Hiện nay toàn huyện có 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, trên 50%, chỉ có 04 xã tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%, 1 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%, có 03 xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 10-50%. Thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đầu tư Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, thực hiện các chính sách an sinh xã hội và nhiều chính sách khác đã từng bước giảm nghèo, bình quân hàng năm tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,45%/năm. Tính riêng ở khu vực nông thôn, giai đoạn 2018-2010 giảm bình quân 3,86%/năm, giai đoạn 2011-2015 giảm bình quân 3,13%/năm, giai đoạn 2016-2017 giảm bình quân 3,66%/năm.

1.3.2. Công tác giáo dục đào tạo:

Công tác giáo dục đào tạo được quan tâm đúng mức, cơ sở vật chất được đầu tư cho giáo dục ngày càng hoàn thiện, đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng và chất lượng dạy và học. Đến cuối năm 2017 toàn huyện có 25 trường mầm non tăng 05 trường so với năm 2008, 17 trường tiểu học, 15 trường THCS tăng 04 trường, 07 trường tiểu học và THCS giảm 05 trường, 04 trường THPT, đến tháng 5/2018 có 20 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó mầm non 06 trường, tiểu học 9 trường, trung học cơ sở 5 trường so với năm 2008 tăng 12 trường (MN:5; TH: 4; THCS:3).

Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt tỷ lệ 32%, chủ yếu là lực lượng lao động được đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, lao động phổ thông chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ cao trong số người lao động.

Triển khai có hiệu quả Chương trình MTQG về giải quyết việc làm, tạo điều kiện về vốn, môi trường, thông tin thị trường cho người lao động thông qua các chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển để tạo thêm nhiều việc làm mới thu hút lao động. Trong 10 năm qua toàn huyện đã giải quyết việc làm cho 11.250 lao động, trong đó có 8775 lượt lao động nông thôn chiếm 78% (xuất khẩu lao động 137 người), tỷ trọng lao động có việc làm trong khu vực nông lâm nghiệp giảm từ 68,52% cuối năm 2008 xuống còn 63,2% vào cuối năm 2017.

1.3.3. Về công tác xã hội:

Tỷ lệ thôn bản đạt chuẩn văn hóa, làng văn hóa gia đình văn hóa được nâng lên, cơ sở vật chất văn hóa được nâng cấp, hệ thống thông tin liên lạc được kết nối, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý điều hành ở cấp xã.

Các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục, thể thao, lễ hội được tổ chức rộng khắp và đều đặn; đến cuối năm 2017, trên địa bàn huyện có 194 làng được phát động làng văn hóa đạt tỷ lệ 100%, trong đó làng được công nhận làng văn hóa là 187 làng chiếm 96,3%, công nhận lần 02 có 06 làng, UBND tỉnh công nhận 36 làng văn hóa xuất sắc, có 17.587 gia đình trong tổng số 20.058 hộ gia đình đăng ký đạt tỷ lệ 85,8%. Có 8/20 xã phát động xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, trong đó có 05 xã đã được công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới lần đầu, có 142/194 thôn bản có nhà sinh hoạt cộng đồng đã góp phần thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, góp phần tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân ở các xã, thị trấn, bộ mặt nông thôn được đổi mới.

1.3.4. Về y tế:

Công tác khám chữa bệnh, đảm bảo sức khỏe cho nhân dân từng bước nâng cao. Nhìn lại trong 10 năm qua, về công tác y tế luôn luôn được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất khám và chữa bệnh, đội ngũ y bác sĩ 241 người/năm 2008 tăng lên 249 người/năm 2017 được bố trí đầy đủ, công tác y tế dự phòng được chú trọng, tăng từ 174 lên 210 giường bệnh. Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2017 đạt 92%, số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2010-2017 là 19/20 xã.

1.4. Về đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn:

Phát triển nông nghiệp thực hiện Chương trình Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn xây dựng nông thôn mới đã đạt được những kết quả sau: Hình thành một số vùng chuyên canh tập trung như (cà phê, cao su, cây ăn quả, sản nguyên liệu...) gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, xây dựng một số mô hình liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm như cà phê, cao su, sản nguyên liệu...

Xây dựng hàng trăm mô hình có quy mô từ 50-250 triệu đồng/mô hình, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ, tổ hợp tác (35 tổ), 05 hợp tác xã và hàng trăm nhóm, tổ sản xuất nông nghiệp nhằm liên kết với các doanh nghiệp trong việc cung ứng dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị sản phẩm, tránh bị tư thương ép giá.

Phát triển các hình thức dịch vụ ở nông thôn với đa dạng ngành nghề làm bún, chổi đót, dệt thổ cẩm, làm bánh, sản xuất vật liệu xây dựng, vận tải, sản xuất đồ gỗ gia dụng, sửa chữa xe máy, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác tạo ra giá trị sản xuất ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ nói chung của huyện và khu vực nông thôn ngày càng cao, sau 10 năm giá trị sản xuất thương mại dịch vụ tăng từ 846,2 tỷ đồng lên 5832,2 tỷ đồng.

Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất dịch vụ ở nông thôn đã góp phần tăng thu nhập toàn huyện đạt 12,7 triệu đồng/người/năm 2008 lên 32,3 triệu đồng/người/ năm 2017.

Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng đạt 34,8 triệu đồng năm 2010 tăng lên 42,1 triệu đồng năm 2017, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản 61,0 triệu đồng 2008 giảm còn 32,8 triệu đồng năm 2017.

1.5. Về nghiên cứu chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp:

Phát huy có hiệu quả các mô hình phát triển sản xuất như mô hình chăn nuôi bán thâm canh, mô hình chăn nuôi lợn bản, mô hình chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học và xây hầm biogas, mô hình trồng và chăm sóc cây hồ tiêu, mô hình trồng thanh long ruột đỏ, mô hình trồng cà phê xen cây ăn quả, mô hình trồng cây cao su, mô hình trồng cây bời lời... một số giống cây trồng vật nuôi có chất lượng cao đã góp phần nâng cao thu nhập cải thiện đời sống của nhân dân.

1.6. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế chính sách để huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế nông thôn:

Qua 10 năm thực hiện, Trung ương, Tỉnh, Huyện đã ban hành nhiều chính sách về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, huy động từ nhiều nguồn lực tạo điều kiện thuận lợi phát triển nông nghiệp một cách bền vững, tổng giá trị sản xuất của ngành nông lâm nghiệp trong nền kinh tế chung của đất nước ngày càng tăng cao.

1.7. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước phát huy sức mạnh của đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn

1.7.1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng:

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị lãnh đạo các cơ quan đơn vị thực hiện xây dựng Chương trình kế hoạch cụ thể cho từng năm và cả giai đoạn. Phân công các đồng chí Ban Thường vụ Huyện ủy và các đồng chí huyện ủy viên theo dõi lãnh đạo, chỉ đạo, nêu cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu từ huyện đến cơ sở trong quá trình thực hiện.

1.7.2. Về công tác quản lý nhà nước:

UBND huyện xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết từng năm, Nghị quyết giai đoạn 5 năm thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương của Tỉnh; cụ thể hóa các Nghị quyết bằng các văn bản: Quyết định, Đề án, Chương trình, Kế hoạch tổ chức thực hiện phát triển ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành, thành lập các Ban chỉ đạo để thực hiện các Chương trình, Đề án, kế hoạch đề ra.

1.7.3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị xã hội:

Đã tích cực tuyên truyền vận động nhân dân, tổ chức quán triệt nội dung các Nghị quyết và chính sách thực hiện cũng như thực hiện tốt các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, Chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, thực hiện phong trào thi đua “Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới” hưởng ứng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đô thị văn minh, phong trào “5 không 3 sạch” của Hội Liên hiệp Phụ nữ phát động, phong trào “Ánh sáng đường quê” của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, phong trào cải tạo vườn tạp của Hội Nông dân, phong trào xây dựng Tổ tự quản an ninh trật tự của Hội Cựu chiến binh, con đường tự quản của các hội, đoàn thể, phong trào “Quản

chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”... Thông qua các phong trào thi đua đã góp phần phát huy tinh thần đoàn kết, nâng cao nhận thức, các chủ trương chính sách đã đến với người dân, đến với nông thôn thể hiện vai trò thực hiện quy chế dân chủ trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi”.

2. Đánh giá chung:

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đạt được những kết quả tốt đẹp.

2.1. Những thành tựu cơ bản:

- Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là một chủ trương đúng đắn của Đảng đã được cấp ủy, Chính quyền từ huyện xuống xã triển khai nghiêm túc, tích cực, được nhân dân đồng thuận và hưởng ứng cao, cơ bản đạt được những mục tiêu mà Nghị quyết đã đề ra, tạo những bước ngoặt và tác động tích cực trên các lĩnh vực chính trị kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh.

- Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phát triển khá ổn định và toàn diện, nông nghiệp và kinh tế nông thôn có chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, tốc độ tăng trưởng, giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp và thu nhập người nông dân ngày càng tăng, tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm, phát triển đảm bảo theo cơ cấu ngành và định hướng phát triển kinh tế chung của huyện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra.

- Bước đầu hình thành các vùng sản xuất tập trung, tiềm năng thế mạnh của các cây chủ lực của huyện được khai thác phù hợp với định hướng của tỉnh về các cây con chủ lực có sức cạnh tranh cao góp phần tái cơ cấu và thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt kết quả khá, huy động được sự tham gia của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở và các nguồn lực trong nhân dân, đã từng bước gắn quy hoạch phát triển nông nghiệp với quy hoạch nông thôn mới, gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội được quan tâm đầu tư đồng bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng lên rõ rệt.

- Hệ thống các chính sách và cơ chế thực hiện được ban hành khá đồng bộ, từ Trung ương, tỉnh đến huyện về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Nhận thức trách nhiệm sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền mặt trận và đoàn thể chính trị xã hội cán bộ đảng viên và người dân trong huyện đối với chủ trương của Đảng, chính sách Nhà nước về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đã được nâng lên rõ rệt, công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, bám sát các chủ trương Nghị quyết đề ra.

- An sinh xã hội được đảm bảo, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, tạo ra nhiều việc làm mới, tăng thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giảm, các chính sách xã hội được giải quyết, quốc phòng an ninh ở nông thôn được đảm bảo, công tác đối ngoại với các huyện bạn Lào luôn được giữ vững và ngày càng phát triển.

2.2. Những hạn chế yếu kém:

2.2.1. Về phát triển nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp chưa bền vững, sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhỏ lẻ, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chưa cao, thiếu sự liên kết giữa người sản với doanh nghiệp, giữa sản xuất với thị trường. Sản xuất hàng hóa quy mô chưa đủ lớn, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp còn chậm. Mặc dù xây dựng được nhiều mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả nhưng chậm được nhân rộng. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích còn thấp, tiềm năng thế mạnh về lâm nghiệp chưa được chú trọng khai thác, tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tỷ trọng nông nghiệp vẫn còn thấp.

2.2.2. Về xây dựng nông thôn:

Việc xây dựng chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đã có những kết quả bước đầu đáng khích lệ, nhưng kết quả chưa cao, chưa đạt theo Nghị quyết đã đề ra, số xã đạt chuẩn nông thôn mới, số tiêu chí đạt bình quân trên xã còn thấp, không đồng đều giữa các vùng, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa. Một số tiêu chí có tỷ lệ đạt thấp như tiêu chí giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở, hộ nghèo, thu nhập, môi trường... Hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn mặc dù đầu tư nhiều nhưng vẫn còn khó khăn (giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở...). Việc lồng ghép các chương trình, dự án và huy động các nguồn lực cho xây dựng nông thôn còn hạn chế. Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất đạt hiệu quả chưa cao. Đào tạo nghề lao động nông thôn chưa đáp ứng với yêu cầu.

An ninh trật tự nông thôn vẫn còn nhiều tiềm ẩn về các tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, ma túy. Môi trường nông thôn tuy được cải thiện nhưng vẫn còn bất cập ở nhiều địa phương, đặc biệt xử lý chất thải rắn và rác thải, vệ sinh môi trường ở nông thôn (chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, các cơ sở chế biến...).

2.2.3. Về nông dân:

Đời sống nhân dân nông thôn tuy đã được cải thiện và nâng cao nhưng vẫn còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao, phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, tỷ lệ lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp ở nông thôn còn cao. Nhiều chính sách an sinh xã hội thực hiện còn bất cập, tín dụng ưu đãi nhiều nhưng người dân các vùng khó khăn ngại tiếp cận, một số bộ phận dân cư vẫn còn tư tưởng ỷ lại Nhà nước, chưa tự vươn lên, đời sống tinh thần của người dân vẫn còn hạn chế về nhiều mặt.

2.3. Những nguyên nhân của hạn chế, yếu kém:

- Nguyên nhân khách quan: Là huyện miền núi vùng cao với nền kinh tế thuần nông chiếm tỷ lệ lớn, kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn nhất là ở vùng sâu vùng xa còn nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp của điều kiện thời tiết và tác động bất lợi của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Về nhận thức: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về vai trò nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa đầy đủ. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở ở một số lĩnh vực chưa đồng bộ, kịp thời và cụ thể.

+ Về cơ chế chính sách: Một số chính sách về nông nghiệp, nông thôn còn nhiều bất cập, thiếu tính khả thi, chậm được sửa đổi, thiếu cơ chế chính sách để thu hút mạnh mẽ các nguồn lực của xã hội, nhất là doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, nhiều chương trình dự án cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn chồng chéo, chưa có cơ chế lồng ghép hoặc khó lồng ghép dẫn đến phân tán nguồn lực, kém hiệu quả. Đóng góp của khoa học công nghệ vào giá trị gia tăng của các loại sản phẩm nông nghiệp còn thấp.

+ Về tổ chức thực hiện chủ trương của Nghị quyết, chương trình hành động: Quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, triển khai thiếu đồng bộ. Công tác giám sát, kiểm tra còn ít, thất chặt đầu tư công theo Nghị quyết số 11 của Chính phủ, nguồn vốn phân bổ còn hạn chế, đặc biệt thực hiện chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động giai đoạn 2008-2017.

2.4. Bài học kinh nghiệm:

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/08/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

- Công tác tuyên truyền, vận động phải thường xuyên liên tục, là nhiệm vụ trọng tâm làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu sâu sắc và thấu đáo về nội dung của Nghị quyết, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của tỉnh, huyện.

- Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng, của Chính quyền, các tổ chức Đoàn thể chính trị xã hội từ huyện đến xã, thôn, bản phải vào cuộc một cách quyết liệt, tâm huyết, sáng tạo tất cả cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, minh bạch trao quyền cho người dân và cộng đồng khu dân cư theo phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

III. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn tới

1. Dự báo tình hình trong nước và khu vực giai đoạn tới:

Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và hội nhập kinh tế Quốc tế, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân, nông thôn là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước tiếp tục thực hiện cho giai đoạn tới 2018-2020.

Giai đoạn 2016-2020 chỉ còn lại chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới. Cùng với việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội lần thứ XII của Đảng tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Huyện lần thứ XVI và các Nghị quyết chuyên đề trong bối cảnh đất nước đang Hội nhập quốc tế sâu sắc, liên kết phát triển kinh tế trong khu vực và trên toàn thế giới. Trong nước tốc độ tăng trưởng GDP ngày càng tăng, đặc biệt đầu tư xây dựng mô hình liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp, kêu gọi thu hút đầu tư vào nông nghiệp đưa

sản phẩm nông nghiệp vươn ra nước ngoài. Tỷ trọng và giá trị kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người nông dân.

2. Quan điểm:

Nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển Kinh tế xã hội - Quốc phòng an ninh bền vững, phát triển và cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là hai nội dung có mối quan hệ biện chứng cần phải thực hiện đồng thời trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho dân cư nông thôn phải trên cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với từng vùng, từng lĩnh vực, khai thác các nguồn lực sẵn có tại địa phương.

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị từ huyện đến xã và của toàn xã hội. Trước hết phải khơi dậy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường sáng tạo, sự vào cuộc đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong quá trình thực hiện.

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới có kinh tế xã hội phát triển, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền nông nghiệp, có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ngày càng đồng bộ, cơ cấu kinh tế nông thôn và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị xã hội nông thôn ổn định, dân chủ, văn minh giữ gìn bản sắc dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ, quốc phòng an ninh trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất tinh thần của người dân ngày càng cao.

3.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt 1.358,1 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6-7%, tỷ trọng ngành nông nghiệp đạt 10-11%.

Tổng diện tích gieo trồng đạt bình quân 10.000-12.000 ha, diện tích gieo trồng một số cây chủ yếu:

- Diện tích cây cà phê ổn định 5.000 ha, hàng năm tái canh 150-200 ha. Sản lượng nhân cà phê đạt 6.500 - 7.000 tấn.

- Diện tích cây cao su: 1.500-1.800 ha, hàng năm trồng mới 50-100 ha, sản lượng mủ đạt 450-500 tấn.

- Diện tích cây hồ tiêu: 220 ha, sản lượng 150-160 tấn.

- Diện tích cây lương thực có hạt đạt 3.000 ha, sản lượng đạt 10.000-12.000 tấn.

- Diện tích cây ăn quả (trong đó cây chuối chiếm hơn 90%) phát triển ổn định 4.000-4.200ha, Sản lượng: 58.000-60.000 tấn.

- Diện tích cây mắc ca: 400 ha (Doanh nghiệp đầu tư).

- Trồng rừng hàng năm đạt 450-500 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 47-48%.

- Tốc độ tăng đàn gia súc, gia cầm bình quân: 5-6%, sản lượng xuất chuồng tăng 8-10%.

- Xây dựng 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã đạt 15-18 tiêu chí, 02 xã đạt 10-14 tiêu chí, 10 xã đạt 8-9 tiêu chí, bình quân mỗi xã tăng từ 1-3 tiêu chí/năm, bình quân toàn huyện đạt 15-16 tiêu chí/xã, xây dựng 01 xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu (Tân Hợp), Đào tạo nghề lao động nông thôn đạt 35,47%; Thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 1,8-2 lần so với năm 2015; Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm trên 3%/năm, các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao giảm trên 5%/năm.

4. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

4.1. Công tác tuyên truyền vận động về xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân về Nghị quyết, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, các Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh, Huyện lần thứ XVI, Nghị quyết chuyên đề đặc biệt là Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/05/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2020, bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp điều kiện cụ thể từng ngành, từng lĩnh vực, từng cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao nhận thức nắm vững nội dung, tinh thần Nghị quyết trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quản lý và thực hiện Nghị quyết một cách có hiệu quả.

4.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước từ huyện đến cơ sở:

Đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Phát huy vai trò của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đoàn thể chính trị các cấp trong việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/08/2008 của Ban Chấp hành trung ương Đảng Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đề ra trong những năm tới

4.3. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại:

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020 để làm cơ sở cho việc quy hoạch ngành, lĩnh vực cây trồng, vật nuôi chủ lực.

- Xây dựng phát triển và nhân rộng mô hình sản xuất, xây dựng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ cao, gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Đảm bảo giá trị sản phẩm nông nghiệp luôn luôn có đầu ra ổn định. Phát triển đa dạng cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, coi trọng đầu tư công tác giống.

4.4. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, ngành nghề dịch vụ và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn:

Ưu tiên thực hiện các giải pháp động lực cho phát triển sản xuất liên kết và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng và đổi mới công nghệ trong chế biến sản phẩm nông nghiệp. Thúc đẩy đa dạng ngành nghề phi nông nghiệp, hình thành các hệ thống dịch vụ ở nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề lao động ở nông thôn đặc biệt nghề phi nông nghiệp để có cơ sở

chuyển đổi cơ cấu lao động trong cơ cấu kinh tế nông thôn đảm bảo hiệu quả và thiết thực.

4.5. Xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng đời sống văn hóa:

- Tiếp tục tập trung nguồn lực của các chương trình để phát triển, từng bước hệ thống hạ tầng cơ sở cơ bản ở nông thôn (giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, công trình văn hóa, cơ sở vật chất trường học, hệ thống thông tin truyền thông, trung tâm thương mại, chợ....) nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế xã hội để nâng cao đời sống cư dân nông thôn.

- Chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khám chữa bệnh cũng như chất lượng dạy và học cho người dân xây dựng các thiết chế văn hóa, đảm bảo nâng cao chất lượng, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao ở nông thôn bài trừ hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội nâng cao đời sống tinh thần và an ninh nông thôn.

- Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”

- Bảo vệ khai thác và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hình thành và phát triển các giá trị văn hóa tốt đẹp trong cộng đồng nông thôn, nâng cao chất lượng gia đình, thôn, bản, làng văn hóa.

4.6. Chăm lo công tác xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội:

Đây là nhiệm vụ rất quan trọng bằng các nguồn vốn đầu tư của các chương trình về hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình, tập huấn kỹ thuật để từng bước nâng cao nhận thức của người dân trong việc phát triển kinh tế, xây dựng mối liên kết phát triển sản xuất giữa nông dân và doanh nghiệp, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm làm cho người dân vươn lên xóa đói giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm hơn 3%, các xã đặc biệt khó khăn giảm hơn 5%. Cùng với công tác xóa đói giảm nghèo, các chính sách về an sinh xã hội luôn luôn phải đảm bảo và thực hiện có hiệu quả.

4.7. Bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai:

- Phát triển kinh tế gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái. Đẩy mạnh phong trào thi đua bảo vệ môi trường ở nông thôn, chăn nuôi có chuồng trại, xử lý chất thải rắn, bao bì, thuốc bảo vệ thực vật, nhà vệ sinh, phong trào 5 không, 3 sạch đảm bảo xây dựng nông thôn ngày càng xanh, sạch, đẹp.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp sửa chữa hệ thống hồ đập, kênh mương đảm bảo tưới tiêu cho sản xuất phục vụ đời sống sinh hoạt, nâng cao năng lực dự báo, phòng chống thiên tai tăng cường công tác quản lý an toàn hồ đập. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội gắn với kế hoạch bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo có hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai xảy ra.

4.8. Đổi mới cơ chế chính sách và tổ chức sản xuất ở nông thôn:

4.8.1. Về chính sách đất đai:

- Đảm bảo cho người dân nông thôn sống bằng nông nghiệp có đất sản xuất ở mức cần thiết theo quy định của pháp luật theo hướng bảo vệ đất nông nghiệp linh hoạt, bảo vệ quyền lợi của người dân khi bị thu hồi giải phóng mặt bằng để đầu tư công trình phúc lợi trên địa bàn.

- Rà soát quỹ đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai để mở rộng diện tích cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, xây dựng cơ sở chế biến và dịch vụ ở nông thôn.

- Tạo điều kiện thuận lợi và có chính sách về đất đai trong việc thu hút doanh nghiệp vào đầu tư, cho các tổ chức hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế trang trại, kinh tế hộ cho thuê đất, cấp giống, quyền sử dụng đất để phát triển sản xuất.

4.8.2. Chính sách tín dụng:

- Tăng nguồn đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn nhất là đầu tư từ ngân sách nhà nước bằng nguồn vốn các chương trình, dự án, sự nghiệp kinh tế và huy động nguồn vốn từ các doanh nghiệp đầu tư vào và huy động sự đóng góp của người dân.

- Tiếp tục ưu tiên dành nguồn vốn tín dụng, các chính sách tín dụng ưu đãi khác cho khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới cơ chế, thủ tục hành chính để tăng khả năng tiếp cận nguồn tín dụng cho nông dân.

- Xây dựng cơ chế lồng ghép đầu tư từ các chương trình, dự án toàn địa bàn.

4.8.3. Chính sách thương mại:

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu nhãn mác chỉ dẫn địa lý của các sản phẩm nông nghiệp, tăng cường nghiên cứu, dự báo thông tin thị trường các sản phẩm nông nghiệp và vật tư nông nghiệp.

- Xúc tiến thương mại, tổ chức kêu gọi thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

- Tổ chức liên kết liên doanh giữa các nhà trong sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng một xã một sản phẩm, đẩy mạnh công tác quy hoạch, phát triển hạ tầng thương mại (chợ trung tâm, cửa hàng buôn bán lẻ) để thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nội địa.

4.9. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể với nòng cốt là kinh tế hợp tác xã. Sớm hình thành tổ chức, phát triển hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2012. Xây dựng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, chế biến thu mua các sản phẩm nông nghiệp ở các địa phương có hiệu quả. Có cơ chế khuyến khích mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi để cho các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thúc đẩy kinh tế thương mại, kinh tế hộ gia đình gia trại phát triển và xây dựng mô hình liên kết theo chuỗi giá trị.

4.10. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ:

- Tăng cường công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ nhất là công nghệ giống, công nghệ sinh học, công nghệ tưới, công nghệ chế biến bảo quản nông sản, đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng các trang thiết bị máy móc trong sản xuất, chế biến nông sản.

- Đẩy mạnh chương trình khuyến công, khuyến nông, tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật cho người dân.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các trung tâm đào tạo dạy nghề, tổ chức đào tạo dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4.11. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững:

- Cơ cấu lại ngành trồng trọt: Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung chuyên canh, sản xuất hàng hóa, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học kỹ thuật. Chú trọng công tác giống gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm, thực hiện có hiệu quả các Đề án chuyển đổi đất trồng sản kém hiệu quả sang trồng cây khác, Đề án phát triển cây cao su, kế hoạch thực hiện Đề án tái canh cây cà phê. Ứng dụng và xây dựng một số loại cây trồng mới, một số mô hình mới như mô hình công nghệ cao, mô hình công nghệ hữu cơ, phát triển các cây trồng chủ lực.

- Cơ cấu ngành chăn nuôi, tập trung phát triển mạnh các vật nuôi chủ lực như trâu, bò, dê, lợn, nâng cao chất lượng con giống và làm tốt công tác dịch vụ thú y.

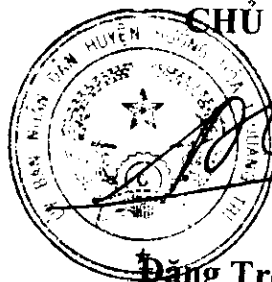
- Khuyến khích phát triển, hỗ trợ các trang trại, gia trại chăn nuôi tập trung, có quy mô lớn nhằm nâng cao chất lượng đàn, trong đó chú trọng tăng tỷ lệ lai sind đàn bò, nạc hóa đàn lợn. Bảo tồn và phát triển các giống lợn bản địa phù hợp nhu cầu thị trường trong phát triển chăn nuôi, tận dụng nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương, ít gây ô nhiễm môi trường góp phần tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong phát triển nông nghiệp.

- Tập trung phát triển tăng diện tích trồng rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng của huyện; Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh và cây gỗ lớn theo hướng tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng; Thực hiện giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho người dân quản lý, chăm sóc và hưởng lợi; Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng. Quản lý sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, tuyển chọn giống cây lâm nghiệp tốt theo hướng phát triển trồng các loại cây đa tác dụng, đa mục đích nhằm tăng thu nhập cho người làm nghề rừng và sống bằng nghề rừng. / Cao

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- C, các PCVP, CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Trọng Vân